

LUẬN A TỖ ĐẠT MA ĐẠI TỖ BÀ SA

QUYỂN 110

LUẬN VỀ THẤT THÁNH (Phần 2)

Hỏi: Các pháp tương ứng với Tập trí, pháp ấy tương ứng với Diệt trí chăng?

Đáp: Không phải như vậy.

Hỏi: Giả sử pháp tương ứng với Diệt trí, pháp ấy tương ứng với Tập trí chăng?

Đáp: Không phải như vậy.

Đối với Đạo trí và Tam-ma-địa Không-Vô tướng cũng như vậy. Nguyên cố thế nào? Bởi vì không phải là một tâm, vì hành tướng khác nhau, hoặc vì sở duyên khác nhau.

Hỏi: Các pháp tương ứng với Tập trí, pháp ấy tương ứng với Tam-ma-địa Vô nguyện chăng?

Đáp: Nên làm thành bốn câu phân biệt, bởi vì nghĩa không nhất định.

1. Có pháp tương ứng với Tập trí chứ không phải là Vô nguyện, đó là Tập trí tương ứng với Vô nguyện, tức là Tập trí câu sinh của Tam-ma-địa Vô nguyện, pháp này tương ứng với Tập trí chứ không phải là Vô nguyện, bởi vì tự tánh không tương ứng với tự tánh.

2. Có pháp tương ứng với Vô nguyện chứ không phải là Tập trí, đó là Tập trí không tương ứng với pháp tương ứng của Vô nguyện. Trong này, Tập trí nghĩa là Tập trí câu sinh của Vô nguyện, pháp này tương ứng với Vô nguyện chứ không phải là Tập trí, bởi vì tự tánh không tương ứng với tự tánh; và Tập trí không tương ứng với pháp tương ứng của Vô nguyện, nghĩa là pháp tương ứng với Vô nguyện trong tụ câu sinh của Khổ nhãn-Khổ trí-Tập nhãn-Tập trí-Đạo nhãn-Đạo trí, pháp này tương ứng với Vô nguyện chứ không phải là Tập trí, bởi vì là tụ khác.

3. Có pháp tương ứng với Tập trí cũng là Vô nguyện, đó là hai

pháp tương ứng. Pháp này là gì? Đó là trong tụ câu sinh của Tập trí trừ ra Tập trí và Vô nguyện, còn lại các tâm-tâm sở pháp, tức là tám pháp Đại địa, mười pháp đại Thiên địa, Tâm-Tứ và tâm.

4. Có pháp không phải là tương ứng với Tập trí cũng không phải là Vô nguyện, đó là Tập trí Không tương ứng với Vô nguyện, cho đến nói rộng ra. Trong này, Tập trí không tương ứng với Vô nguyện, nghĩa là Vô nguyện trong tụ câu sinh của Khổ nhãn-Khổ trí-Tập nhãn-Tập trí-Đạo nhãn, Đạo trí, pháp này không phải là tương ứng với Tập trí bởi vì là tụ khác, cũng không phải là tương ứng với Vô nguyện bởi vì tự tánh không tương ứng với tự tánh; và các tâm-tâm sở pháp khác, nghĩa là tâm-tâm sở pháp trong tụ câu sinh của Không-Vô tướng, và tất cả tâm-tâm sở pháp hữu lậu, những pháp này đều không tương ứng bởi vì là tụ khác; sắc-vô vi-tâm bất tương ứng hành, nghĩa là tất cả sắc-vô vi-tâm bất tương ứng hành, những pháp này đều không tương ứng, bởi vì không có sở duyên.

Đối với ba Căn vô lậu-bảy Giác chi-tám Đạo chi nói như Pháp trí, nghĩa là như Pháp trí đối với ba Căn vô lậu..., Tập trí này đối với ba Căn vô lậu..., nói rộng ra cũng như vậy.

Hỏi: Các pháp tương ứng với Diệt trí, pháp ấy tương ứng với Đạo trí chăng?

Đáp: Không phải như vậy.

Hỏi: Giả sử pháp tương ứng với Đạo trí, pháp ấy tương ứng với Diệt trí chăng?

Đáp: Không phải như vậy.

Đối với Tam-ma-địa Không-Vô nguyện cũng như vậy. Nguyên cơ thế nào? Bởi vì không phải là một tâm, vì hành tướng khác nhau, vì sở duyên khác nhau.

Hỏi: Các pháp tương ứng với Diệt trí, pháp ấy tương ứng với Tam-ma-địa Vô tướng chăng?

Đáp: Nên làm thành bốn câu phân biệt, bởi vì nghĩa không nhất định.

1. Có pháp tương ứng với Diệt trí mà không phải là Vô tướng, đó là Diệt trí tương ứng với Vô tướng, tức là Tam-ma-địa vô tướng câu sinh của diệt trí, pháp này tương ứng với Diệt trí chứ không phải là Vô tướng, bởi vì tự tánh không tương ứng với tự tánh.

2. Có pháp tương ứng với Vô tướng mà không phải là Diệt trí, đó là Diệt trí và Diệt trí không tương ứng với pháp tương ứng của Vô tướng. Trong này, Diệt trí nghĩa là Diệt trí câu sinh của Vô tướng, pháp này

tương ứng với Vô tướng chứ không phải là Diệt trí, bởi vì tự tánh không tương ứng với tự tánh; và Diệt trí không tương ứng với pháp tương ứng của Vô tướng, nghĩa là pháp tương ứng với Vô tướng câu sinh của Diệt nhãn, pháp này tương ứng với Vô tướng chứ không phải là Diệt trí, bởi vì là tự khác.

3. Có pháp tương ứng với Diệt trí cũng là Vô tướng, đó là hai pháp tương ứng. Pháp này là gì? Đó là trong tự câu inh của Diệt trí, trừ ra Diệt trí và Vô tướng, còn lại các tâm-tâm sở pháp, tức là tám pháp Đại địa, mười pháp đại thiên địa, Tâm-tứ và tâm.

4. Có pháp không phải là tương ứng với Diệt trí, cũng không phải là Vô tướng, đó là Diệt trí không tương ứng với Vô tướng, cho đến nói rộng ra. Trong này, Diệt trí không tương ứng với Vô tướng, nghĩa là Vô tướng câu sinh của Diệt nhãn, pháp này không phải là tương ứng với Diệt trí bởi vì là tự khác, cũng không phải là tương ứng với Vô tướng, bởi vì tự tánh không tương ứng với tự tánh; và các tâm-tâm sở pháp khác, nghĩa là tâm-tâm sở pháp trong tự câu sinh của Không-Vô nguyện, cùng với tất cả tâm-tâm sở pháp hữu lậu, những pháp này đều không tương ứng bởi vì là tự khác; sắc-vô vi-tâm bất tương ứng hành, nghĩa là tất cả sắc-vô vi-tâm bất tương ứng hành, những pháp này đều không tương ứng, bởi vì không có sở duyên.

Đối với ba Căn vô lậu-bảy Giác chi-tám Đạo chi nói như Pháp trí, nghĩa là như Pháp trí đối với ba Căn vô lậu..., Diệt trí này đối với ba Căn vô lậu..., nói rộng ra cũng như vậy.

Hỏi: Các pháp tương ứng với Đạo trí, pháp ấy tương ứng với Tam-ma-địa không chăng?

Đáp: Không phải như vậy.

Hỏi: Giả sử pháp tương ứng với Tam-ma-địa không, pháp ấy tương ứng với Đạo trí chăng?

Đáp: Không phải như vậy.

Đối với Tam-ma-địa Vô tướng cũng như vậy. Nguyên cố thể nào? Bởi vì không phải là một tâm, vì hành tướng khác nhau, vì sở duyên khác nhau.

Hỏi: Các pháp tương ứng với Đạo trí, pháp ấy tương ứng với Tam-ma-địa Vô nguyện chăng?

Đáp: Nên làm thành bốn câu phân biệt, bởi vì nghĩa không nhất định.

1. Có pháp tương ứng với Đạo trí mà không phải là Vô nguyện, đó là Đạo trí tương ứng với Vô nguyện, tức là Vô nguyện câu sinh của Đạo

trí, pháp này tương ứng với Đạo trí chứ không phải là Vô nguyện, bởi vì tự tánh không tương ứng với tự tánh.

2. Pháp có tương ứng với Vô nguyện mà không phải là Đạo trí, đó là Đạo trí và Đạo trí không tương ứng với pháp tương ứng của Vô nguyện. Trong này, Đạo trí nghĩa là Đạo trí câu sinh Vô nguyện, pháp này tương ứng với Vô nguyện chứ không phải là Đạo trí, bởi vì tự tánh không tương ứng với tự tánh; và Đạo trí không tương ứng với pháp tương ứng của Vô nguyện, nghĩa là pháp tương ứng với Vô nguyện trong tụ câu sinh của Khổ nhãn-Khổ trí-Tập nhãn-Tập trí-Đạo nhãn, pháp này tương ứng với Vô người chứ không phải là Đạo trí, bởi vì là tụ khác.

3. Có pháp tương ứng với Đạo trí cũng là Vô nguyện, đó là hai pháp tương ứng. Pháp này là gì? Đó là trong tụ câu sinh của Đạo trí, trừ ra Đạo trí và Vô nguyện, còn lại các tâm-tâm sở pháp, tức là tám pháp Đại địa, mười pháp Địa thiện địa, Tâm-Tứ và tâm.

Có pháp không phải là tương ứng với Đạo trí cũng không phải là Vô nguyện, đó là Đạo trí không tương ứng với Vô nguyện, cho đến nói rộng ra. Trong này, Đạo trí không tương ứng với Vô nguyện, nghĩa là Vô nguyện trong tụ câu sinh của Khổ nhãn-Khổ trí-Tập nhãn-Tập trí và Đạo nhãn, pháp này không phải là tương ứng với Đạo trí bởi vì là tụ khác, cũng không phải là tương ứng với Vô nguyện, bởi vì tự tánh không tương ứng với tự tánh; và các tâm-tâm sở pháp khác, nghĩa là tâm-tâm sở pháp trong tụ câu sinh của Không-Vô tướng, và tất cả tâm-tâm sở pháp hữu lậu, pháp này đều không tương ứng bởi vì là tụ khác; sắc-vô vi-tâm bất tương ứng hành, nghĩa là tất cả sắc-vô vi-tâm bất tương ứng hành, pháp này đều không tương ứng bởi vì không có sở duyên.

Đối với ba Căn vô lậu-bảy Giác chi-tám Đạo chi nói như pháp trí, nghĩa là như pháp trí đối với ba Căn Vô lậu..., Đạo trí này đối với ba Căn vô lậu..., nói rộng ra cũng như vậy.

Hỏi: Các pháp tương ứng với Tam-ma-địa không, pháp ấy tương ứng với Tam-ma-địa Vô nguyện chăng?

Đáp: Không phải như vậy. Hỏi: Giả sử pháp tương ứng với Tam-ma-địa Vô nguyện, pháp ấy tương ứng với Tam-ma-địa Không chăng?

Đáp: Không phải như vậy.

Đối với Vô tướng cũng như vậy. Nguyên cơ thể nào? Bởi vì không phải là một tâm, vì hành tướng khác nhau, hoặc vì sở duyên khác nhau.

Hỏi: Các pháp tương ứng với Tam-ma-địa Không, pháp ấy tương ứng với vị tri đương tri căn chăng?

Đáp: Nên làm thành bốn câu phân biệt, bởi vì nghĩa không nhất định.

1. Có pháp tương ứng với Không mà không phải là Vị tri đương căn, đó là vị tri đương tri căn vốn không thấu nhiếp pháp tương ứng với Không. Pháp này là gì? Đó là pháp tương ứng với Không câu sinh của Dĩ tri căn và Cụ tri căn, pháp này tương ứng với Không chứ không phải là Vị tri đương tri căn, bởi vì là tụ khác.

2. Có pháp tương ứng với Vị tri đương căn mà không phải là Không, đó là Vị tri đương tri căn đã thấu nhiếp Không, và Không không thấu nhiếp-không tương ứng với pháp tương ứng của Vị tri đương tri căn. Trong này, vị tri đương tri căn đã thấu nhiếp Không, nghĩa là Không trong tụ câu sinh của Vị tri đương tri căn, pháp này tương ứng với Vị tri đương tri căn chứ không hẳn là Không, bởi vì tự tánh không tương ứng với tự tánh; và Không không thấu nhiếp-không tương ứng với pháp tương ứng của Vị tri đương tri căn, nghĩa là pháp tương ứng với Vị tri đương tri căn trong tụ câu sinh của Vô nguyện-Vô tướng, pháp này tương ứng với Vị tri đương tri căn chứ không phải là không, bởi vì là tụ khác.

3. Có pháp tương ứng với Không cũng là vị tri đương tri căn, đó là Vị tri đương tri căn đã thấu nhiếp pháp tương ứng với Không. Pháp này là gì? Đó là tám căn trong tụ này và các tâm sở pháp không phải là căn tương ứng với nó.

4. Có pháp không phải là tương ứng với Không, cũng không phải là Vị tri đương tri căn, đó là Vị tri đương tri căn vốn không thấu nhiếp Không, cho đến nói rộng ra. Trong này, Vị tri đương tri căn vốn không thấu nhiếp Không, nghĩa là Không trong tụ câu sinh của Dĩ tri căn-cụ tri căn, pháp này không phải là tương ứng với Không, bởi vì tự tánh không tương ứng với tự tánh, cũng không phải là tương ứng với Vị tri đương tri căn bởi vì là tụ khác; và Không-Vị tri đương tri căn không thấu nhiếp-không tương ứng với các tâm-tâm sở pháp khác, nghĩa là Dĩ tri căn-Cụ tri căn đã thấu nhiếp tâm-tâm sở pháp trong tụ câu sinh của Vô nguyện-Vô tướng, và tất cả tâm-tâm sở pháp hữu lậu, pháp này đều không tương ứng bởi vì là tụ khác; sắc-vô vi-tâm bất tương ứng hành, nghĩa là tất cả sắc-vô vi-tâm bất tương ứng ha hành, pháp này đều không tương ứng, bởi vì không có sở duyên.

Đối với Dĩ tri căn-cụ tri căn cũng như vậy, nghĩa là như Tam-ma-địa Không đối với Vị tri đương tri căn có bốn câu phân biệt, đối với Dĩ tri căn-Cụ tri căn cũng như vậy.

Hỏi: Các pháp tương ứng với Tam-ma-địa Không, pháp ấy tương ứng với Niệm giác chi chăng?

Đáp: Nên làm thành bốn câu phân biệt, bởi vì nghĩa không nhất định.

1. Có pháp tương ứng với Không chứ không phải là Niệm, đó là Không tương ứng với Niệm, tức là Niệm giác chi câu sinh của Tam-ma-địa Không, pháp này tương ứng với Không chứ không phải là Niệm, bởi vì tự tánh không tương ứng với tự tánh.

2. Có pháp tương ứng với Niệm chứ không phải là Không, đó là Không và Không không tương ứng với pháp tương ứng của Niệm. Trong này, Không đó là Tam-ma-địa Không câu sinh của Niệm giác chi, pháp này tương ứng với Niệm chứ không phải là Không, bởi vì tự tánh không tương ứng với tự tánh; và Không không tương ứng với pháp tương ứng của Niệm, nghĩa là pháp tương ứng với Niệm giác chi câu sinh của Vô nguyện-vô tướng, pháp này tương ứng với Niệm chứ không phải là Không, bởi vì là tự khác.

3. Có pháp tương ứng với Không cũng là Niệm, đó là hai pháp tương ứng, tức là trong tự câu sinh của Không trừ ra Không và Niệm, còn lại các tâm-tâm sở pháp. Pháp này là gì? Đó là tám pháp Đại địa, mười pháp Đại thiện địa, Tâm-Tứ và tâm.

4. Có pháp không phải là tương ứng với Không, cũng không phải là Niệm, đó là Không không tương ứng với Niệm, cho đến nói rộng ra. Trong này, Không không tương ứng với Niệm, nghĩa là Niệm giác chi câu sinh của Vô nguyện-Vô tướng, pháp này không phải là tương ứng với Không bởi vì là tự khác, cũng không phải là tương ứng với niệm, bởi vì tự tánh không tương ứng với tự tánh; và các tâm-tâm sở pháp khác, nghĩa là tất cả các tâm-tâm sở pháp hữu lậu, pháp này đều không tương ứng bởi vì là tự khác; sắc-vô vi-tâm bất tương ứng hành, nghĩa là tất cả sắc-vô vi-tâm bất tương ứng hành, pháp này đều không tương ứng bởi vì không có sở duyên.

Đối với Trạch pháp-Tinh tiến - Khinh an - Xả giác chi và Chánh kiến-Chánh tinh tiến-Chánh niệm cũng như vậy, nghĩa là như Tam-ma-địa Không đối với Niệm giác chi có bốn câu phân biệt, đối với Trạch pháp... cũng như vậy.

Hỏi: Các pháp tương ứng với Tam-ma-địa Không, pháp ấy tương ứng với Hỷ giác chi chăng?

Đáp: Nên làm thành bốn câu phân biệt, bởi vì nghĩa không nhất định.

1. Có pháp tương ứng với Không chứ không phải là Hỷ, đó là Không tương ứng với Hỷ và Hỷ không tương ứng với pháp tương ứng của Không. Trong này, Không tương ứng với Hỷ, đó là Hỷ giác chi trong tụ câu sinh của Không, pháp này tương ứng với Không chứ không phải là Hỷ, bởi vì tự tánh không tương ứng với tự tánh; và Hỷ không tương ứng với pháp tương ứng của Không, nghĩa là pháp tương ứng với Tam-ma-địa Không trong địa Vị chí Định-Tĩnh lự trung gian-hai Tĩnh lự sau-ba Vô sắc trước, pháp này tương ứng với Không chứ không phải là Hỷ, bởi vì là địa khác.

2. Có pháp tương ứng với Hỷ chứ không phải là Không, đó là Hỷ tương ứng với Không và Không không tương ứng với pháp tương ứng của Hỷ. Trong này, Hỷ tương ứng với Không, nghĩa là Tam-ma-địa Không trong tụ câu sinh của Hỷ giác chi, pháp này tương ứng với Hỷ chứ không phải là Không, bởi vì tự tánh không tương ứng với tự tánh; và Không không tương ứng với pháp tương ứng của hỷ, nghĩa là pháp tương ứng với Hỷ trong tụ câu sinh của Vô nguyện-Vô tướng, pháp này tương ứng với Hỷ chứ không phải là Không, bởi vì là tụ khác.

3. Có pháp tương ứng với Không cũng là Hỷ, đó là hai pháp tương ứng, tức là trong tụ câu sinh của Không thuộc hai Tĩnh lự đầu, trừ ra Không và Hỷ, còn lại các tâm-tâm sở pháp. Pháp này là gì? Đó là tám pháp Đại địa, mười pháp Đại thiên địa, Tầm-tứ và tâm.

4. Có pháp không phải là tương ứng với Không, cũng không phải là Hỷ, đó là Không không tương ứng với Hỷ, cho đến nói rộng ra. Trong này, Không không tương ứng với Hỷ, đó là Hỷ trong tụ câu sinh của Vô nguyện-Vô tướng, pháp này không phải là tương ứng với Không bởi vì là tụ khác, cũng không phải là tương ứng với Hỷ, bởi vì tự tánh không tương ứng với tự tánh; Hỷ không tương ứng với Không, nghĩa là Tam-ma-địa Không trong địa Vị chí Định-Tĩnh lự trung gian-hai Tĩnh lự sau-ba Vô sắc trước, pháp này không phải là tương ứng với Không, bởi vì tự tánh không tương ứng với tự tánh, cũng không phải là tương ứng với Hỷ bởi vì là địa khác; và các tâm-tâm sở pháp khác, nghĩa là tâm-tâm sở pháp trong tụ câu sinh của Vô nguyện-Vô tướng trong các địa Vị chí Định-Tĩnh lự trung gian-hai Tĩnh lự sau-ba Vô sắc trước, và tất cả tâm-tâm sở pháp hữu lậu, pháp này đều không tương ứng bởi vì là tụ khác; sắc-vô vi- tâm bất tương ứng hành, nghĩa là tất cả sắc-vô vi-tâm bất tương ứng hành, pháp này đều không tương ứng bởi vì không có sở duyên.

Đối với chánh tư duy cũng như vậy, nghĩa là như Tam-ma-địa

Không đối với Hỷ giác chi làm thành bốn câu phân biệt, đối với chánh tư duy cũng như vậy.

Hỏi: Các pháp tương ứng với Tam-ma-địa Không, pháp ấy tương ứng với Định giác chi chăng?

Đáp: Các pháp tương ứng với Không thì pháp ấy cũng tương ứng với Định, bởi vì tất cả Tam-ma-địa Không đều là do định giác chi thâm nhiếp. Có pháp tương ứng với định mà không phải là Không, đó là Không vốn không thâm nhiếp pháp tương ứng với Định. Pháp này là gì? Đó là pháp tương ứng với định giác chi trong tụ câu sinh của Vô nguyện-Vô tướng, pháp này tương ứng với Định giác chi chứ không phải là Không, bởi vì là tụ khác.

Đối với chánh định cũng như vậy, nghĩa như Tam-ma-địa Không đối với định giác chi làm thuận theo câu trước, đối với chánh định cũng như vậy. Như không đối với các pháp sau, Vô nguyện-Vô tướng đối với các pháp sau cũng như vậy, nghĩa là như Tam-ma-địa Không đối với các pháp sau, Vô nguyện-Vô tướng đối với các pháp sau, nói rộng ra cũng như vậy. Có điểm sai biệt, đó là như Không đối với Hỷ giác chi-Chánh tư duy, Vô nguyện-Vô tướng đối với Hỷ giác chi-Chánh kiến-Chánh tư duy cũng như vậy.

Hỏi: Các pháp tương ứng với Vị tri đương tri căn, pháp ấy tương ứng với Dĩ tri căn chăng?

Đáp: Không phải như vậy.

Hỏi: Giả sử pháp tương ứng với Dĩ tri căn, thì pháp ấy tương ứng với Vị tri đương tri căn chăng?

Đáp: Không phải như vậy.

Đối với Cụ tri căn cũng như vậy. Nguyên cơ thế nào? Bởi vì không phải là một tâm, bởi vì phần vị đều khác nhau.

Hỏi: Các pháp tương ứng với Vị tri đương tri căn chứ không phải là Niệm giác chi chăng?

Đáp: Nên làm thành bốn câu phân biệt, bởi vì nghĩa không nhất định.

1. Có pháp tương ứng với Vị tri đương tri căn mà không phải là Niệm, đó là Vị tri đương tri căn đã thâm nhiếp Niệm, tức là Niệm trong tụ câu sinh của Vị tri đương tri căn, pháp này tương ứng với Vị tri đương tri căn chứ không phải là Niệm giác chi, bởi vì tự tánh không tương ứng với tự tánh.

2. Có pháp tương ứng với Niệm giác chi mà không phải là Vị tri đương tri căn, đó là vị tri đương tri căn vốn không thâm nhiếp pháp tương

ứng với Niệm. Pháp này là gì? Đó là pháp tương ứng với Niệm trong tụ câu sinh của Dĩ tri căn-cụ tri căn, pháp này tương ứng với Niệm chứ không phải là Vị tri đương tri căn, bởi vì là tụ khác.

3. Có pháp tương ứng với Vị tri đương tri căn cũng là Niệm, đó là vị tri đương tri căn đã thâm nhiếp pháp tương ứng với Niệm. Pháp này là gì? Đó là tám căn khác và các tâm sở pháp không phải là căn tương ứng với pháp ấy.

4. Có pháp không phải là tương ứng với Vị tri đương tri căn, cũng không phải là Niệm, đó là Vị tri đương tri căn vốn không thâm nhiếp Niệm, cho đến nói rộng ra. Trong này, Vị tri đương tri căn vốn không thâm nhiếp Niệm, nghĩa là Niệm trong tụ câu sinh của Dĩ tri căn-Cụ tri căn, pháp này không phải là tương ứng với vị tri đương tri căn, bởi vì là tụ khác, cũng không phải là tương ứng với Niệm, bởi vì tự tánh không tương ứng với tự tánh; và các tâm-tâm sở pháp khác, nghĩa là tất cả tâm-tâm sở pháp hữu lậu, pháp này đều không tương ứng, bởi vì là tụ khác; sắc-vô vi-tâm bất tương ứng hành, nghĩa là tất cả sắc-vô vi-tâm bất tương ứng hành, pháp này đều không tương ứng, bởi vì không có sở duyên.

Đối với Trạch pháp-Tinh tiến-Định giác chi và chánh kiến-chánh tinh tiến-chánh niệm-chánh định cũng như vậy, nghĩa là như Vị tri đương tri căn đối với Niệm giác chi có bốn câu phân biệt, đối với Trạch pháp giác chi... cũng như vậy.

Hỏi: Các pháp tương ứng với Vị tri đương tri căn, pháp ấy tương ứng với hỷ giác chi chăng?

Đáp: Nên làm thành bốn câu phân biệt, bởi vì nghĩa không nhất định.

1. Có pháp tương ứng với Vị tri đương tri căn mà không phải là Hỷ, đó là Vị tri đương tri căn đã thâm nhiếp Hỷ, và không thâm nhiếp-không tương ứng với pháp tương ứng của Vị tri đương tri căn. Trong này, Vị tri đương tri căn đã thâm nhiếp Hỷ, nghĩa là Hỷ trong tụ câu sinh của Vị tri đương tri căn, pháp này tương ứng với Vị tri đương tri căn chứ không phải là Hỷ, bởi vì tha không tương ứng với tự tánh; và Hỷ không thâm nhiếp-không tương ứng với pháp tương ứng của Vị tri đương tri căn, nghĩa là pháp tương ứng với Vị tri đương tri căn trong địa Vị chí Định-Tĩnh lự trung gian-hai Tĩnh lự sau, pháp này tương ứng với Vị tri đương tri căn chứ không phải là Hỷ, bởi vì là địa khác.

2. Có pháp tương ứng với Hỷ giác chi chứ không phải là Vị tri đương tri căn, đó là Vị tri đương tri căn vốn không thâm nhiếp pháp

tương ứng với Hỷ. Pháp này là gì? Đó là pháp tương ứng với Hỷ trong tụ câu sinh của Dĩ tri căn-Cụ tri căn, pháp này tương ứng với Hỷ chứ không phải là Vị tri đương tri căn, bởi vì là tụ khác.

3. Có pháp tương ứng với Vị tri đương tri căn cũng là Hỷ, đó là Vị tri đương tri căn đã thâm nhiếp pháp tương ứng với Hỷ. Pháp này là gì? Đó là tám căn khác và các tâm sở pháp không phải là căn tương ứng với pháp ấy.

4. Có pháp không phải là tương ứng Vị tri đương tri căn, cũng không phải là Hỷ, đó là Vị tri đương tri căn vốn không thâm nhiếp Hỷ, cho đến nói rộng ra. Trong này, Vị tri đương tri căn vốn không thâm nhiếp Hỷ, nghĩa là Hỷ trong tụ câu sinh của Dĩ tri căn-Cụ tri căn, pháp này không phải là tương ứng với Vị tri đương tri căn bởi vì là tụ khác, cũng không phải là tương ứng với Hỷ, bởi vì tự tánh không tương ứng với tự tánh; và Hỷ-Vị tri đương tri căn không thâm nhiếp-không tương ứng với các tâm-tâm sở pháp khác, nghĩa là tâm-tâm sở pháp trong tụ câu sinh của Dĩ tri căn-Cụ tri căn trong địa Vị trí Định-Tĩnh lự trung gian-hai Tĩnh lự sau-ba Vô sắc trước, và tất cả tâm-tâm sở pháp hữu lậu, pháp này đều không tương ứng bởi vì là tụ khác; sắc-vô vi-tâm bất tương ứng hành, nghĩa là tất cả sắc-vô vi-tâm bất tương ứng hành, pháp này đều không tương ứng, bởi vì không có sở duyên.

Hỏi: Các pháp tương ứng với Vị tri đương tri căn, pháp ấy tương ứng với Khinh an giác chỉ chăng?

Đáp: Nên làm thành bốn câu phân biệt, bởi vì nghĩa không nhất định.

1. Có pháp tương ứng với Vị tri đương tri căn mà không phải là Khinh an, đó là vị tri đương tri căn tương ứng với Khinh an, pháp này tương ứng với Vị tri đương tri căn chứ không phải là Khinh an, bởi vì tự tánh không tương ứng với tự tánh.

2. Có pháp tương ứng với Khinh an mà không phải là Vị tri đương tri căn, đó là Vị tri đương tri căn không tương ứng với pháp tương ứng của Khinh an. Pháp này là gì? Đó là pháp tương ứng với Khinh an trong tụ câu sinh của Dĩ tri căn-Cụ tri căn, pháp này tương ứng với Khinh an chứ không phải là Vị tri đương tri căn, bởi vì là tụ khác.

3. Có pháp tương ứng với Vị tri đương tri căn, cũng là Khinh an, đó là Vị tri đương tri căn tương ứng với pháp tương ứng của Khinh an. Pháp này là gì? Đó là mười pháp Đại địa, chín pháp Đại thiên địa, Tâm-Tứ và tâm.

4. Có pháp không phải là tương ứng với Vị tri đương tri căn, cũng

không phải là Khinh an, đó là Vị tri đương tri căn không tương ứng với Khinh an, tức là khinh an trong tụ câu sinh của Dĩ tri căn-Cụ tri căn, pháp này không phải là tương ứng với Vị tri đương tri căn, bởi vì là tụ khác, cũng không phải là tương ứng với Khinh an, bởi vì tự tánh không tương ứng với tự tánh; và tâm-tâm sở pháp khác, nghĩa là tất cả tâm-tâm sở pháp hữu lậu, pháp này đều không tương ứng, bởi vì là tụ khác; sắc-vô vi-tâm bất tương ứng hành, nghĩa là tất cả sắc-vô vi-tâm bất tương ứng hành, pháp này đều không tương ứng, bởi vì không có sở duyên.

Đối với xả giác chi cũng như vậy, nghĩa là như vị tri đương tri căn đối với Khinh an giác chi có bốn câu phân biệt, đối với xả giác chi cũng như vậy.

Hỏi: Các pháp tương ứng với Vị tri đương tri căn, pháp ấy tương ứng với chánh tư duy chăng?

Đáp: Nên làm thành bốn câu phân biệt, bởi vì nghĩa không nhất định.

1. Có pháp tương ứng với Vị tri đương tri căn mà không phải là chánh tư duy, đó là Vị tri đương tri căn tương ứng với chánh tư duy, và chánh tư duy không tương ứng với pháp tương ứng của Vị tri đương tri căn. Trong này, Vị tri đương tri căn tương ứng với chánh tư duy, đó là chánh tư duy trong tụ câu sinh của Vị tri đương tri căn, pháp này tương ứng với Vị tri đương tri căn chứ không phải là chánh tư duy, bởi vì tự tánh không tương ứng với tự tánh; và chánh tư duy không tương ứng với pháp tương ứng của Vị tri đương tri căn, đó là pháp tương ứng với Vị tri đương tri căn trong địa Tĩnh lự trung gian-ba Tĩnh lự sau, pháp này tương ứng với vị tri đương tri căn chứ không phải là chánh tư duy, bởi vì là tụ khác.

2. Có pháp tương ứng với chánh tư duy chứ không phải là Vị tri đương tri căn, đó là Vị tri đương tri căn không tương ứng với pháp tương ứng của chánh tư duy. Pháp này là gì? Đó là pháp tương ứng với chánh tư duy trong tụ câu sinh của Dĩ tri căn-Cụ tri căn, pháp này tương ứng với chánh tư duy chứ không phải là Vị tri đương tri căn, bởi vì là tụ khác.

3. Có pháp tương ứng với Vị tri đương tri căn cũng là chánh tư duy, đó là Vị tri đương tri căn tương ứng với pháp tương ứng của chánh tư duy. Pháp này là gì? Đó là mười pháp Đại địa, mười pháp Đại thiên địa, Tâm-Tứ và tâm.

4. Có pháp không phải là tương ứng với Vị tri đương tri căn, cũng không phải là chánh tư duy, đó là vị tri đương tri căn không tương ứng với chánh tư duy, cho đến nói rộng ra. Trong này, Vị tri đương tri căn

không tương ứng với chánh tư duy, nghĩa là chánh tư duy trong tụ câu sinh của Dĩ tri căn-Cụ tri căn, pháp này không phải là tương ứng với vị tri đương tri căn bởi vì là tụ khác, cũng không phải là tương ứng với chánh tư duy, bởi vì tự tánh không tương ứng với tự tánh; và các tâm-tâm sở pháp khác, nghĩa là tâm-tâm sở pháp trong tụ câu sinh của Dĩ tri căn-Cụ tri căn trong địa Tĩnh lự trung gian-ba Tĩnh lự sau-ba Vô sắc trước, và tất cả tâm-tâm sở pháp hữu lậu, pháp này đều không tương ứng, bởi vì là tụ khác; sắc-vô vi-tâm bất tương ứng hành, đó là tất cả sắc-vô vi-tâm bất tương ứng hành, pháp này đều không tương ứng, bởi vì không có sở duyên.

Như Vị tri đương tri căn đối với các pháp sau, Dĩ tri căn-Cụ tri căn đối với các pháp sau cũng như vậy. Có điểm sai biệt là Cụ tri căn đối với Chánh kiến nên làm thành bốn câu phân biệt, cùng với trước có khác nhau.

1. Có pháp tương ứng với Cụ tri căn mà không phải là Chánh kiến, đó là Cụ tri căn đã thâm nhiếp Chánh kiến, và Chánh kiến không thâm nhiếp-không tương ứng với pháp tương ứng của Cụ tri căn. Trong này, Cụ tri căn đã thâm nhiếp Chánh kiến, nghĩa là Chánh kiến câu sinh của Cụ tri căn, pháp này tương ứng với Cụ tri căn chứ không phải là Chánh kiến, bởi vì tự tánh không tương ứng với tự tánh; và Chánh kiến không thâm nhiếp-không tương ứng với pháp tương ứng của Cụ tri căn, nghĩa là pháp tương ứng với Cụ tri căn trong tụ câu sinh của Tận trí-Vô sinh trí, pháp này tương ứng với Cụ tri căn chứ không phải là Chánh kiến, bởi vì là tụ khác.

2. Có pháp tương ứng với Chánh kiến mà không phải là Cụ tri căn, đó là Cụ tri căn vốn không thâm nhiếp pháp tương ứng với Chánh kiến. Pháp này là gì? Đó là pháp tương ứng với Chánh kiến trong tụ câu sinh của Vị tri đương tri căn-Dĩ tri căn, pháp này tương ứng với Chánh kiến chứ không phải là Cụ tri căn, bởi vì là tụ khác.

3. Có pháp tương ứng với Cụ tri căn cũng là Chánh kiến, đó là Cụ tri căn đã thâm nhiếp pháp tương ứng với Chánh kiến. Pháp này là gì? Đó là tám căn khác và các tâm sở pháp không phải là căn tương ứng với pháp ấy.

4. Có pháp không phải là tương ứng với Cụ tri căn cũng không phải là Chánh kiến, đó là Cụ tri căn vốn không thâm nhiếp Chánh kiến, cho đến nói rộng ra. Trong này, Cụ tri căn vốn không thâm nhiếp Chánh kiến, nghĩa là Chánh kiến trong tụ câu sinh của Vị tri đương tri căn-Dĩ tri căn, pháp này không phải là tương ứng với Cụ tri căn, bởi vì là

tụ khác, cũng không phải là tương ứng với Chánh kiến, bởi vì tự tánh không tương ứng với tự tánh; và các tâm-tâm sở pháp khác, nghĩa là các tâm-tâm sở pháp hữu lậu, pháp này đều không tương ứng, bởi vì là tụ khác; sắc-vô vi-tâm bất tương ứng hành, nghĩa là tất cả sắc-vô vi-tâm bất tương ứng hành, pháp này đều không tương ứng, bởi vì không có sở duyên.

Niệm giác chi cho đến Chánh niệm đối với các pháp sau nói rộng ra như phần luận về Giác chi, nghĩa là như phần luận thứ nhất trong Uẩn này đã nói nhiều.

Như nói: “Này Tỳ kheo! Ta sẽ vì ông mà nói về sự việc của bốn mươi bốn trí, ông nên lắng nghe kỹ càng, cố gắng hết sức tác ý...”

Hỏi: Vì sao soạn ra phần luận này?

Đáp: Vì phân biệt rộng về nghĩa trong kinh. Như trong kinh nói: “Đức Phật bảo với Tỳ kheo: Ta sẽ vì ông mà nói về sự việc của bốn mươi bốn trí, ông nên lắng nghe kỹ càng...” “Trong kinh tuy nói ra lời này mà không phân biệt về nghĩa ấy, kinh là nơi nương tựa căn bản của luận này, điều gì trong kinh chưa giải thích thì nay cần phải giải thích, cho nên soạn ra phần luận này.

Hỏi: Vì sao Đức Thế Tôn nói ra kinh này?

Đáp: Đức Thế Tôn xưa kia nhờ vào gia hạnh này làm cửa ngõ-làm con đường, chứng được Vô lượng Chánh đẳng Bồ-đề, nay lại nói về điều này để chỉ rõ cho các đệ tử: Nếu các ông có thể không rời bỏ phương pháp gia hạnh như vậy, thì không bao lâu sẽ được vĩnh viễn hết sạch các lậu. Ví như Trưởng giả nhờ vào phương tiện này, dành dụm được tiền của châu báu mà thụ hưởng vui sướng giàu có, sau đó cũng dùng phương tiện này dạy cho các con cháu biết rằng: Nếu các con có thể không rời bỏ phương tiện như vậy, thì nhất định thu được tiền của châu báu cũng thụ hưởng vui sướng đầy đủ. Đức Thế Tôn cũng như vậy.

Sự của bốn mươi bốn trí là thế nào? Đó là trí biết về lão tử, trí biết về nhân của lão tử, trí biết về lão tử diệt mất, trí biết về hành tướng đến lão tử diệt mất; như vậy trí biết về Sinh-Hữu-Thủ-Ái-Thọ-Xúc-Lục nhập-Danh sắc-Thức-Hành, trí biết về nhân của Hành, trí biết về Hành diệt mất, trí biết về Hành hưởng đến Hành diệt mất, đó gọi là sự của bốn mươi bốn trí.

Hỏi: Tại sao trong này không nói đến trí biết về Vô minh...?

Đáp: Nên nói mà không nói đến thì nên biết là nghĩa có khác. Lại nữa, nếu pháp do chi Hữu thâu nhiếp, lấy chi Hữu làm nhân, là quả của

chi Hữu, thì trong này nói đến; Vô minh tuy cũng do chi Hữu thâm nhiếp mà không lấy chi Hữu làm nhân, cũng không phải là quả của chi Hữu, cho nên ở đây không nói. Lại nữa, nếu dựa vào pháp này dấy khởi đầy đủ bốn trí, thì trong này nói đến; dựa vào Vô minh chỉ dấy khởi ba trí, không khởi lên trí duyên với nhân của chi Hữu, cho nên ở đây không nói.

Hỏi: Trong này sự của bốn mươi bốn trí biết về Lão tử..., nên nói là pháp trí cho đến Đạo trí chăng?

Đáp: Nên nói trí biết về Lão tử là bốn trí, đó là Pháp-Loại-Thế tục và Khổ trí, cho đến nói rộng ra.

Trong này, trí biết về Lão tử là bốn trí, đó là Pháp trí thì biết về Lão tử của cõi Dục, Loại trí thì biết về Lão tử của cõi Sắc-Vô sắc, Thế tục trí và Khổ trí thì đều biết về Lão tử của ba cõi. Như biết về Khổ có bốn trí, biết về Tập-Diệt-Đạo nên biết cũng như vậy. Như dựa vào Lão tử khởi lên sự của mười sáu trí, cho đến dựa vào Hành nên biết cũng như vậy. Như vậy tổng cộng có một trăm bảy mươi sáu trí thuộc về sự. Trong này Đức Thế Tôn dựa vào mười một Chi thuộc bốn Đế sai biệt đều khởi lên bốn trí, cho nên chỉ nói là có bốn mươi bốn trí thuộc về sự.

Hỏi: Bốn mươi bốn trí thuộc về sự này, mấy loại là hữu lậu, mấy loại là vô lậu?

Đáp: Tất cả đều gồm chung hữu lậu và vô lậu.

Hỏi: Mấy loại duyên với hữu lậu, mấy loại duyên với vô lậu?

Đáp: Hai mươi hai loại duyên với hữu lậu, hai mươi hai loại duyên với vô lậu.

Hỏi: Mấy loại là hữu vi, mấy loại là vô vi?

Đáp: Tất cả đều là hữu vi.

Hỏi: Mấy loại duyên với hữu vi mấy loại duyên với vô vi?

Đáp: Ba mươi ba loại duyên với hữu vi, mười một loại duyên với vô vi.

Hỏi: Mấy loại là quá khứ, mấy loại là vị lai, mấy loại là hiện tại?

Đáp: Tất cả đều bao gồm ba đời.

Hỏi: Mấy loại duyên với quá khứ, mấy loại duyên với vị lai, mấy loại duyên với hiện tại?

Đáp: Ba mươi ba loại duyên với ba đời, mười một loại duyên với Phi thời gian. Nếu như phân vị ba đời trong chương tạt Uẩn, thì nên nói ba loại duyên với quá khứ, đó là trí biết về Hành, trí biết về Hành tập,

trí biết về Thức tập; ba loại duyên với vị lai. Đó là trí biết về Lão tử, trí biết về Lão tử tập, trí biết về Sinh; mười sáu loại duyên với hiện tại, đó là trí biết về Sinh tập, trí biết về Hữu, trí biết về Hữu tập, trí biết về Thủ, trí biết về Thủ tập, trí biết về Ái, trí biết về Ái tập, trí biết về Thọ, trí biết về Thọ tập, trí biết về Xúc, trí biết về Xúc tập, trí biết về Lục xứ, trí biết về Lục xứ tập, trí biết về Danh sắc, trí biết về Danh sắc tập, trí biết về Thức; mười một loại duyên với ba đời, mười một loại duyên với Phi thời gian.

Hỏi: Trí thuộc về sự như vậy đã không có năng lực tiến vào Chánh tánh ly sinh, đạt được quả-lìa nhiễm và hết sạch các lậu, vì sao Thánh giả tu tập làm cho hiện rõ trước mắt?

Đáp: Nhờ vào bốn duyên:

1. Bởi vì trú trong niềm vui với pháp hiện tại.
2. Bởi vì dạo chơi trong công đức.
3. Bởi vì quán xét những việc làm vốn có.
4. Bởi vì tiếp nhận tài sản của bậc Thánh.

Như nói: “Này Tỳ kheo! Ta sẽ nói cho ông về bảy mươi bảy trí thuộc về sự, ông nên lắng nghe kỹ càng, cố gắng hết sức tác ý...”

Hỏi: Vì sao soạn ra phần luận này?

Đáp: Vì phân biệt rộng về nghĩa trong kinh, nói rộng ra như trước.

Hỏi: Vì sao Đức Thế Tôn nói ra kinh này?

Đáp: Đức Thế Tôn xưa kia nhờ vào gia hạnh này làm cửa ngõ-làm con đường, nói rộng ra như trước.

Thế nào là bảy mươi bảy trí thuộc về sự? Đó là trí biết về Sinh duyên Lão tử, trí biết về pháp ấy đều là Sinh duyên Lão tử, trí biết về Sinh duyên Lão tử thuộc quá khứ, trí biết về pháp ấy đều là Sinh duyên Lão tử, trí biết về Sinh duyên Lão tử thuộc vị lai, trí biết về pháp ấy đều là Sinh duyên Lão tử, và trí pháp trú biết tất cả pháp này là vô thường-hữu vi, do suy nghĩ mà tạo tác, thì duyên mà sinh ra, là pháp Tận-pháp Giảm-pháp Ly-pháp Diệt. Như dựa vào Sinh duyên Lão tử khởi lên bảy trí, cho đến dựa vào Vô minh duyên Hành cũng như vậy, cho nên có bảy mươi bảy trí thuộc về sự.

Hỏi: Tại sao trong này không nói đến trí biết về Vô minh đã thuận theo duyên?

Đáp: Nên nói mà không nói đến, thì phải nên biết là nghĩa này có khác. Lại nữa, nếu pháp do chi Hữu thâm nhiếp, lấy chi Hữu làm nhân, là quả của chi Hữu thì trong này nói đến; Vô minh tuy cũng do chi Hữu

thâu nhiếp, mà không lấy chi Hữu thâu nhiếp, mà không lấy chi Hữu làm nhân, cũng không phải là quả của chi Hữu, cho nên ở đây không nói. Lại nữa, nếu dựa vào pháp này khởi lên bảy trí duyên với chi Hữu, thì trong này nói đến; dựa vào Vô minh mà thuận theo duyên không khởi lên bảy trí duyên với chi Hữu, cho nên ở đây không nói.

Hỏi: Trong này, bảy mươi bảy trí thuộc về sự, như trí biết về Sinh Lão tử..., nên nói là Pháp trí cho đến Đạo trí chăng?

Đáp: Nên nói sáu trí trước như trí biết về Sinh duyên Lão tử... đều là bốn trí, đó là Pháp-Loại-Thế tục và Tập trí; trí pháp trí thứ bảy là một trí, đó là Thế tục trí. Như bảy trí biết về Sinh duyên Lão tử, cho đến bảy trí biết về Vô minh duyên Hành cũng như vậy.

Trong này, Pháp trí là nhận biết về Sinh duyên Lão tử... của cõi

Dục, Loại trí là nhận biết về Sinh duyên Lão tử... của cõi Sắc-Vô sắc, Thế tục trí và Tập trí đều nhận biết về Sinh duyên Lão tử... của ba cõi.

Hỏi: Đã nói về Sinh duyên Lão tử..., tại sao còn nói đều là Sinh duyên Lão tử...?

Đáp: Luận có hai loại:

1. Thành lập tông chỉ của mình.

2. Ngăn chặn tông chỉ của người khác. Thành lập tông chỉ của mình, như người tốt nói pháp thì thành lập tông chỉ nói pháp Thiện, người xấu nói pháp thì thành lập tông chỉ nói pháp Ác, Luận giả Ứng Lý thì thành lập tông chỉ của luận Ứng Lý, Luận giả Phân Biệt thì thành lập tông chỉ của luận Phân Biệt. Ngăn chặn tông chỉ của người khác, như người tốt nói pháp thì ngăn chặn tông chỉ nói pháp Ác, người xấu nói pháp thì ngăn chặn tông chỉ nói pháp thiện, Luận giả Ứng Lý thì ngăn chặn tông chỉ của luận Phân Biệt, Luận giả Phân Biệt thì ngăn chặn tông chỉ của luận Ứng Lý.

Nếu chỉ nói là Sinh duyên Lão tử..., thì hoặc có người sinh lòng nghi ngờ vì phát triển luận bàn mà đưa ra cách nói như vậy, chứ lý thì không hẳn là như vậy. Vì quyết định mỗi nghi ấy để hiển bày về lý này là chắc chắn, cho nên lại nói đều là Sinh duyên Lão tử...

Trong này, biết về Sinh duyên Lão tử, là Pháp-Loại-Thế tục và Tập trí, biết đều là Sinh duyên Lão tử cũng là bốn trí, hợp lại có tám trí; biết về Sinh duyên Lão tử thuộc quá khứ-vị lai cũng đều có tám trí, hợp lại có hai mươi bốn trí; trí Pháp trí thứ bảy chỉ là một trí, đó là Thế tục trí; cộng đủ số trước thì có hai mươi lăm trí. Như biết về Sinh duyên Lão tử, cho đến biết về Vô minh duyên Hành cũng như vậy. Như vậy tổng cộng có hai trăm bảy mươi lăm trí. Nếu dùng sát-na nối tiếp nhau để

phân biệt, thì có vô lượng vô biên trí thuộc về sự. Trong này, Đức Thế Tôn dựa vào mười một chi, ba đời si biệt đều khởi lên bảy trí, cho nên chỉ nói là có bảy mươi bảy trí thuộc về sự.

Hỏi: Vì sao không nói biết về hiện tại?

Đáp: Có người đưa ra cách nói này: Hai loại trước trong bảy loại tức là biết về hiện tại. Lại có người nói: Hai loại trước trong bảy loại bao gồm biết về ba đời, bởi vì quá khứ-vị lai khó biết rõ ràng, cho nên lại nói riêng biệt về biết, hiện tại thì không như vậy, cho nên không nói riêng biệt.

Hỏi: Bảy mươi bảy trí thuộc về sự này, mấy loại là hữu lậu, mấy loại là vô lậu?

Đáp: Mười một trí Pháp trí chỉ riêng hữu lậu, bởi vì chỉ là tánh Thế rục trí thâm nhiếp, sáu mươi sáu trí còn lại gồm chung hữu lậu và vô lậu, bởi vì bốn trí thâm nhiếp. Có người đưa ra cách nói này: Tất cả đều gồm chung hữu lậu và vô lậu.

Hỏi: Mấy loại duyên với hữu lậu, mấy loại duyên với vô lậu?

Đáp: Tất cả đều duyên với hữu lậu.

Hỏi: Mấy loại là hữu vi, mấy loại là vô vi?

Đáp: Tất cả đều là hữu vi, bởi vì chắc chắn không có trí mà Thế là vô vi.

Hỏi: Mấy loại duyên với hữu vi, mấy loại duyên với vô vi?

Đáp: Tất cả đều duyên với hữu vi.

Hỏi: Mấy loại là quá khứ, mấy loại là vị lai, mấy loại là hiện tại?

Đáp: Tất cả đều gồm chung ba đời.

Hỏi: Mấy loại duyên với quá khứ, mấy loại duyên với vị lai, mấy loại duyên với hiện tại?

Đáp: Có những người muốn làm cho hai loại trước trong bảy loại chỉ duyên với hiện tại, họ nói hai mươi hai loại duyên với quá khứ, hai mươi hai loại duyên với vị lai, hai mươi hai loại duyên với hiện tại, mười một loại duyên với ba đời. Có những người muốn làm cho hai loại trước trong bảy loại cùng duyên với ba đời, họ nói hai mươi hai loại duyên với quá khứ, hai mươi hai loại duyên với vị lai, ba mươi ba loại duyên với ba đời.

Trí này không có năng lực tiến vào Chánh tánh ly sinh..., nhờ vào bốn duyên, tu tập làm cho hiện rõ trước mắt, nghĩa nói như trước.

Hỏi: Vì sao loại thứ bảy gọi là trí Pháp trí?

Đáp: Pháp ấy là quả, trí ấy là nhân, biết quả là pháp đã trí trong

nhân, cho nên gọi là trí Pháp trí. Nghĩa là biết về nhân là nơi tồn tại của quả bậc Hạ-Trung-Thượng trong ba cõi, cho nên gọi là trí Pháp trí. Trí này chỉ biết về tướng riêng của nhân, không phải là hành tướng Thánh, cho nên chỉ do Thế tục trí thâm nhiếp. Có người đưa ra cách nói này: Trí này bao gồm bốn trí, đó là Pháp-Loại-Thế tục và Tập trí.

Hỏi: Nếu như vậy thì tại sao nói là một trí, đó là Thế tục trí?

Đáp: Thật ra bao gồm vô lậu, trong này lại nói là hữu lậu, bởi vì trí này phần nhiều biết về nhân của tướng riêng. Lại có người nói: Sáu trí trước là trí biết về nhân cho nên gọi là Pháp trí, duyên vào đó khởi lên trí gọi là trí Pháp trí, trí này biết về Đạo chứ không phải là biết về Tập nhân, cũng do bốn trí thâm nhiếp, đó là Pháp-Loại-Thế tục và Đạo trí.

Hỏi: Nếu như vậy thì tại sao đưa ra cách nói như vậy: Biết tất cả các pháp này là vô thường-hữu vi, do suy nghĩ mà tạo tác, từ duyên mà sinh ra, là pháp Tận-pháp Giảm-pháp Ly-pháp Diệt. Vô lậu lẽ nào có thể gọi là pháp Ly hay sao?

Đáp: Trong này chỉ nên đưa ra cách nói như vậy: Biết tất cả các pháp này là vô thường-hữu vi, cho đến pháp Diệt. Không nên nói là pháp Ly mà nói đến pháp Ly. Là muốn hiển bày Thánh giả cũng chán ngán vô lậu không sinh tâm vui mừng, cho nên nói đến pháp Ly. Có người khác lại nói: Trí biết về nhân trước kia là tánh thuộc bốn trí, nay biết về trí ấy gọi là trí Pháp trí; bởi vì trí Pháp trí này, biết về trí Thế tục kia cho nên cũng gọi là biết về pháp Ly.

Lời bình: Nên biết trong này thì cách nói trước là hợp lý.

Như “Đức Thế Tôn nói: Nay Tô-thi-ma nên biết! Trước có trí Pháp trí, sau có trí Niết-bàn.”

Hỏi: Trong này, loại nào là trí Pháp trí, loại nào là trí Niết-bàn?

Đáp: Có người đưa ra cách nói này: Trí biết về Tập là trí Pháp trí, trí biết về Diệt là trí Niết-bàn. Có người khác lại nói: Trí biết về Khổ-Tập là trí Pháp trí, trí biết về Diệt-Đạo là trí Niết-bàn. Hoặc có người nói: Trí biết về Khổ-Tập-Đạo là trí Pháp trí, trí biết về Diệt là trí Niết-bàn.

Hỏi: Nếu như vậy thì tại sao nói là trước có trí Pháp trí, sau có trí Niết-bàn?

Đáp: Tuy có trí Pháp trí ở sau trí Niết-bàn, mà có trí Pháp trí ở trước trí Niết-bàn, cho nên đưa ra cách nói này. Lại có người nói: Trí biết về lưu chuyển là trí Pháp trí, trí biết về hoàn diệt là trí Niết-bàn. Lại nữa, trí biết về duyên khởi là trí Pháp trí, trí biết về duyên khởi diệt là trí Niết-bàn. Lại nữa, trí biết về sinh tử là trí Pháp trí, trí biết về sinh

tử diệt là trí Niết-bàn.

Có Sư khác nói: Trí của địa Cận phần là trí Pháp trú, trí của địa Căn bản là trí Niết-bàn. Vì sao biết như vậy? Bởi vì kinh là Thánh giáo lượng.

Như trong kinh nói: “Có các ngoại đạo cùng nhau tập trung bàn bạc rằng: Lúc Phật chưa xuất hiện thì chúng ta thu được nhiều danh dự-lợi dưỡng, bởi vì Phật xuất hiện ở thế gian mà danh và lợi lập tức dứt đoạn, như mặt trời đã mọc thì ngọn đuốc nhỏ mất đi ánh sáng, tìm cách nào để danh và lợi giống như xưa? Nhưng Kiều-đáp-ma có hai sự việc hơn hẳn, đó là giỏi về kinh luận và hình dáng tướng mạo đoan nghiêm, tuy hình dáng tướng mạo khó làm cho thay đổi mà kinh luận thì dễ lấy trộm, trong mọi người chúng ta có Tô-thi-ma, niệm tuệ kiên cường có thể trộm lấy pháp ấy, nếu có được pháp ấy thì danh và lợi giống như xưa. Đã cùng nhau bàn bạc rồi nói cho Tô-thi-ma biết. Người ấy bởi vì hai duyên cho nên liền nhận lời đề nghị của mọi người:

1. Yêu quý bạn thân.
2. Thiện căn chín muồi.

Ngay sau đó rời khỏi thành Vương Xá đi đến tinh xá Trúc Lâm, nói với Tỳ kheo rằng: Tôi muốn xuất gia! Lúc ấy các Tỳ kheo dẫn đến thưa với Đức Phật, Đức Phật biết rõ căn tánh, khiến các Tỳ kheo độ cho xuất gia, và cho thọ giới Cụ túc. Người ấy sau đó không lâu đọc tụng văn kinh ba Tạng, cũng hơi hiểu nghĩa lý, trộm dấy lên ý niệm này: Muốn lợi ích cho bạn bè thân thiết thì nay chính là cơ hội. Liền từ trong Trúc Lâm đi ra muốn trở về thành Vương Xá. Nhưng Đức Phật có Thiên nhãn hộ pháp soi chiếu khắp nơi, luôn luôn quán sát thế gian biết ai có thể lấy trộm kinh pháp. Lúc ấy có năm trăm Tỳ kheo A-la-hán (Ứng chân), đến trước Tô-thi-ma tự khen ngợi công đức của mình: Đời sống của tôi đã hết, phạm hạnh đã lập, việc làm đã xong, không nhận lấy thân đời sau. Tô-thi-ma nói: Các vị Nhân giả đã chứng ngộ là dựa vào Định nào, là Tĩnh lự thứ nhất, hay là cho đến Vô sở hữu xứ? Các Tỳ kheo nói: Sự chứng ngộ của chúng tôi đều không dựa vào những nơi ấy. Tô-thi-ma nói: Nếu không dựa vào những Định ấy thì làm sao có thể chứng ngộ? Các Tỳ kheo nói: Chúng tôi đều là Tuệ giải thoát. Lúc ấy Tô-thi-ma nghe xong thì mù tịt không biết các vị ấy đã nói gì, liền dấy lên ý nghĩ này: Nếu như bạn bè thân thiết của mình hỏi đến nghĩa như vậy, thì mình sẽ làm sao? Lại đến nơi Đức Phật để thưa hỏi về nghĩa như vậy. Đức Thế Tôn bảo rằng: Nay Tô-thi-ma nên biết! Trước có trí pháp trú, sau có trí niết-bàn. Tô-thi-ma thưa rằng: Nay con không biết thế nào là trí Pháp

trú, thế nào là trí Niết-bàn? Đứa Phật bảo rằng: Tùy theo ông nhận biết và không nhận biết, nhưng pháp thuận theo như vậy.” Lúc ấy Tô-thi-ma không quyết đoán lời nguyện trước kia, nhưng năm trăm tỳ kheo A-la-hán kia dựa vào Vị chí định đạt được lậu tận rồi, về sau mới có thể khởi lên Đăng chí căn bản. Vì vậy cho nên biết trí của địa Cận phần là trí Pháp trú, trí của địa Căn bản là trí Niết-bàn.

